

Số: 656 /NMĐTB2-KTATMT

Thái Bình, ngày 04 tháng 04 năm 2025

V/v cung cấp báo giá vật tư, dịch vụ sửa chữa
các hư hỏng, bất thường hệ thống thổi bụi.

Kính gửi: Các Nhà cung cấp

Chi nhánh Phát điện Dầu khí/Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 (NMNĐ Thái Bình 2) đang có nhu cầu triển khai mua sắm vật tư, dịch vụ sửa chữa các hư hỏng, bất thường trên hệ thống thổi bụi các tổ máy – Nhà máy Điện Thái Bình 2. Được biết Quý Công ty là đơn vị có năng lực, kinh nghiệm trong việc cung cấp vật tư/dịch vụ cho các Nhà máy nhiệt điện đốt than. Do đó, đề nghị Quý Công ty quan tâm, xem xét và cung cấp báo giá hàng hóa/dịch vụ với nội dung như sau:

- Phạm vi công việc:
 - ✓ Phạm vi dịch vụ như tại Phụ lục 01 (đính kèm)
 - ✓ Danh mục hàng hóa cần mua sắm: như tại Phụ lục 02 (đính kèm);
 - ✓ Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng, bảo hành theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất và tối thiểu 12 tháng kể từ khi được bàn giao. Hàng hóa được sản xuất từ năm 2024 trở lại đây.
- Tiến độ cung cấp hàng hóa/dịch vụ: Do Nhà cung cấp đề xuất nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.
- Địa điểm giao hàng: NMNĐ Thái Bình 2, xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.
- Hiệu lực báo giá: không dưới 60 ngày kể từ ngày báo giá.
- Thời gian gửi báo giá: không muộn hơn 15h00 ngày 18/04/2025.
- Báo giá được ký tên, đóng dấu bởi Người đại diện đủ thẩm quyền của Quý Công ty.
- Phương thức gửi báo giá: Gửi trực tiếp qua bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua Email, Fax.
- Thông tin liên hệ:
 - ✓ Người nhận: Nguyễn Thái Sơn, Phòng KTATMT, NMNĐ Thái Bình 2;
 - ✓ Địa chỉ: Xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;
 - ✓ Số điện thoại liên hệ: 0915398696; Email: sonnt@pvpgb.vn; vanthutb2@pvpgb.vn; nhanbaogia.hn@pvpgb.vn

Trân trọng./.

2/4

Nơi nhận:

- Như trên;
- CNPĐ DK (để b/c);
- GD NM (để b/c);
- Phòng: TM (để p/h);
- Lưu: VT, KTATMT (TVY: 1 b).

Đính kèm:

- Phụ lục 01: Phạm vi dịch vụ;
- Phụ lục 02: Phạm vi cung cấp hàng hóa;

TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMNĐ THÁI BÌNH 2



Xã Mỹ Lộc - huyện Thái Thụy - tỉnh Thái Bình

ĐT: 02273.721.515; Fax: 02273.721.678



Phụ lục 01 - Phạm vi Dịch vụ sửa chữa

(Đính kèm thư mời số .656...//NMĐTB2-KTATMT ngày 04 tháng 04 năm 2025)

Stt	Thiết bị/hệ thống	Phạm vi công việc cần thực hiện	Yêu cầu kỹ thuật/lưu ý	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
Sửa chữa các hư hỏng: vòi thổi bụi đang bị cong, kẹt trong Lò, các con lăn dẫn hướng mòn hỏng, các xi hở, các hư hỏng giá treo, tình trạng lệch, cong khung vỏ...						
1	IK 555	Tháo/thay vòi,/thay ray/sửa lệch vỏ/chỉnh 2 thanh ray song song/gia cường khắc phục độ võng giữa lớn	- Nhà thầu chủ động khảo sát hiện trạng; - Đánh giá, đề xuất phương án sửa chữa; - chào giá thực hiện (lưu ý đề xuất/báo giá đối với các phạm vi cần làm thêm, bổ sung khác với thiết kế ban đầu trong phương án sửa chữa nếu có)	Bộ	42	Chi tiết thực trạng sơ bộ từng bộ thổi bụi tham khảo tại phụ lục 01.1
2	IK – 545EL)	Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa/thay giá treo	- Nhà thầu chủ động khảo sát hiện trạng; - Đánh giá, đề xuất phương án sửa chữa; - chào giá thực hiện (lưu ý đề xuất/báo giá đối với các phạm vi cần làm thêm, bổ sung khác với thiết kế ban đầu trong phương án sửa chữa nếu có)	Bộ	38	Chi tiết thực trạng sơ bộ từng bộ thổi bụi tham khảo tại phụ lục 01.2
3	APH+GGH	Thay vỏ, thay ống mềm cấp nước rửa, sửa chữa/thay con lăn dẫn hướng mòn, thay thế tôn bao che.Căn chỉnh phần tăng dẫn hướng, kết nối van. sửa chữa/thay thế van 1 chiều bị hỏng,đường ống cấp hơi cần bảo ôn lại, vỏ bao che bị hư hỏng cần thay thế, đường ống thổi muối bị han gỉ.	- Nhà thầu chủ động khảo sát hiện trạng; - Đánh giá, đề xuất phương án sửa chữa; - chào giá thực hiện (lưu ý đề xuất/báo giá đối với các phạm vi cần làm thêm, bổ sung khác với thiết kế ban đầu trong phương án sửa chữa nếu có)	Bộ	10	Chi tiết thực trạng sơ bộ từng bộ thổi bụi tham khảo tại phụ lục 01.3
4	IR – 3Z	căn chỉnh/thay thế giá treo, ty ren,	- Nhà thầu chủ động khảo sát hiện trạng; - Đánh giá, đề xuất phương án sửa chữa; - chào giá thực hiện (lưu ý đề xuất/báo giá đối với các phạm vi cần làm thêm, bổ sung khác với thiết kế ban đầu trong phương án sửa chữa nếu có)	Bộ	39	Chi tiết thực trạng sơ bộ từng bộ thổi bụi tham khảo tại phụ lục 01.4
5	TP-500	kiểm tra, bảo dưỡng Tổng thể	- Nhà thầu chủ động khảo sát hiện trạng; - Đánh giá, đề xuất phương án sửa chữa; - chào giá thực hiện (lưu ý đề xuất/báo giá đối với các phạm vi cần làm thêm, bổ sung khác với thiết kế ban đầu trong phương án sửa chữa nếu có)	Bộ	2	Chi tiết tại phụ lục 01.4

PHỤ LỤC 01.1 - PHẠM VI SỬA CHỮA BẢO DƯỠNG BẤT THƯỜNG CÁC MÁY THỔI BỤI IK555

Stt	Tên thiết bị	KKS	Tình trạng	Phạm vi sửa chữa
A Full retract sootblowers (IK – 555) - TỔ MÁY SỐ 1				
1	IK1	12HCB10AT001	Lệch vỏ, hông răng, kẹt trong lò, thay ống	Tháo, nắn vỏ, thay vôi
2	IK3	12HCB10AT002	Răng mòn nhẹ, vỏ hơi lệch	Thay ray, căn chỉnh, nắn vỏ
3	IK7	12HCB10AT004	Thay răng, răng bị mòn, vỏ	Thay ray, căn chỉnh
4	IK13	12HCB10AT007	Thanh ray bị mòn, vỏ (thay ray)	Thay ray, căn chỉnh
5	IK19	12HCB10AT010	Răng mòn, vỏ cục bộ từng đoạn	Thay ray, căn chỉnh
6	IK2	12HCB40AT001	Kẹt trong lò, Lệch vỏ, thay vôi	Tháo, nắn vỏ, thay vôi
7	IK6	12HCB40AT003	Lệch vỏ (bề lệch phía trái)	Nắn vỏ
8	IK8	12HCB40AT004	Lệch vỏ (bề lệch phía trái)	Nắn vỏ
9	IK10	12HCB40AT005	Lệch vỏ, lệch thanh ray	Nắn vỏ, chỉnh 2 thanh ray song song
10	IK12	12HCB40AT006	Lệch vỏ, lệch thanh ray	Nắn vỏ, chỉnh 2 thanh ray song song
11	IK14	12HCB40AT007	Lệch vỏ, lệch thanh ray	Nắn vỏ, chỉnh 2 thanh ray song song
12	IK16	12HCB40AT008	Lệch vỏ, lệch thanh ray	Nắn vỏ, chỉnh 2 thanh ray song song
13	IK18	12HCB40AT009	Lệch vỏ, lệch thanh ray	Nắn vỏ, chỉnh 2 thanh ray song song
14	IK20	12HCB40AT010	Lệch vỏ, lệch thanh ray	Nắn vỏ, chỉnh 2 thanh ray song song
15	IK21	12HCB20AT001	Lệch vỏ, lệch thanh ray	Nắn vỏ, chỉnh 2 thanh ray song song
16	IK23	12HCB20AT002	Lệch vỏ, lệch thanh ray	Nắn vỏ, chỉnh 2 thanh ray song song
17	IK22	12HCB30AT001	Lệch vỏ, lệch thanh ray	Nắn vỏ, chỉnh 2 thanh ray song song
18	IK24	12HCB30AT002	Lệch vỏ, lệch thanh ray	Nắn vỏ, chỉnh 2 thanh ray song song
B Full retract sootblowers (IK – 555) - TỔ MÁY SỐ 2				
1	IK1	22HCB10AT001	ống thổi muối bị rơi vênh, kẹt	Thay thế ống
2	IK3	22HCB10AT002	Lệch vỏ	Căn chỉnh
3	IK5	22HCB10AT003	Con lăn dẫn hướng bị mòn, răng dẫn hướng han gỉ, giá treo kẹt, cong, độ võng giữa lớn, tấm lót bề mặt bị han gỉ	Thay/sửa chữa con lăn dẫn hướng, thay răng dẫn hướng han gỉ, sửa chữa giá treo kẹt, cong, độ võng giữa lớn, tấm lót bề mặt
4	IK7	22HCB10AT004	Vỏ ốp bị mục, răng bị mòn	Thay/sửa chữa Vỏ bị mục, răng bị mòn
5	IK9	22HCB10AT005	Con lăn dẫn hướng bị mòn, răng dẫn hướng bị han gỉ, giá treo bị kẹt, cong, độ võng giữa lớn	Thay/sửa chữa con lăn dẫn hướng, thay răng dẫn hướng han gỉ, sửa chữa giá treo kẹt, cong, độ võng giữa lớn,
6	IK11	22HCB10AT006	Con lăn dẫn hướng trục bị mòn, giá treo ti trục kẹt, cong, độ võng giữa lớn	Thay/sửa chữa con lăn dẫn hướng, sửa chữa giá treo kẹt, cong, độ võng giữa lớn,
7	IK13	22HCB10AT007	Con lăn dẫn hướng bị mòn, răng dẫn hướng bị han gỉ, giá treo bị kẹt, cong, độ võng giữa lớn	Thay/sửa chữa con lăn dẫn hướng, thay răng dẫn hướng han gỉ, sửa chữa giá treo kẹt, cong, độ võng giữa lớn,
8	IK15	22HCB10AT008	Con lăn dẫn hướng bị mòn, răng dẫn hướng bị han gỉ, giá treo bị kẹt	Thay/sửa chữa con lăn dẫn hướng, sửa chữa giá treo kẹt, cong, răng dẫn hướng,
9	IK17	22HCB10AT009	Con lăn dẫn hướng bị mòn, răng dẫn hướng bị han gỉ, giá treo bị kẹt, cong, độ võng giữa lớn	Thay/sửa chữa con lăn dẫn hướng, thay răng dẫn hướng han gỉ, sửa chữa giá treo kẹt, cong, độ võng giữa lớn,
10	IK19	22HCB10AT010	Con lăn dẫn hướng bị mòn	Thay/sửa chữa con lăn dẫn hướng
11	IK2	22HCB40AT001	Vòi thổi muối bị cong	Thay thế ống
12	IK4	22HCB40AT002	Vòi thổi muối bị cong, lệch vỏ	Thay thế ống, Căn chỉnh vỏ
13	IK6	22HCB40AT003	Con lăn dẫn hướng trục bị mòn, giá treo ti trục bị kẹt, cong, độ võng giữa lớn, tấm ốp lót bề mặt bị han gỉ	Thay/sửa chữa con lăn dẫn hướng, thay răng dẫn hướng han gỉ, sửa chữa giá treo kẹt, cong, độ võng giữa lớn, thay tấm ốp
14	IK8	22HCB40AT004	lệch vỏ	Căn chỉnh vỏ
15	IK10	22HCB40AT005	Con lăn dẫn hướng trục bị mòn, giá treo ti trục bị kẹt, độ võng giữa lớn	Thay/sửa chữa con lăn dẫn hướng, sửa chữa giá treo kẹt, cong, độ võng giữa lớn,
16	IK12	22HCB40AT006	Con lăn dẫn hướng trục bị mòn, giá treo ti trục kẹt, cong, độ võng giữa lớn	Thay/sửa chữa con lăn dẫn hướng, sửa chữa giá treo kẹt, cong, độ võng giữa lớn,

17	IK14	22HCB40AT007	Con lăn dẫn hướng bị mòn, ti trực giá treo bị kẹt, độ võng giữa lớn, răng dẫn hướng trực bị mẻ một số vị trí	Thay/sửa chữa con lăn dẫn hướng, sửa chữa giá treo kẹt, cong, độ võng giữa lớn, thay răng dẫn hướng
18	IK16	22HCB40AT008	Con lăn dẫn hướng trực bị mòn,	Thay/sửa chữa con lăn dẫn hướng
19	IK18	22HCB40AT009	Con lăn dẫn hướng trực bị mòn, trực giá treo bị kẹt, độ võng lớn	Thay/sửa chữa con lăn dẫn hướng, sửa chữa giá treo kẹt, cong, độ võng giữa lớn,
20	IK20	22HCB40AT010	lệch vò	Căn chỉnh vò
21	IK21	22HCB20AT001	Con lăn dẫn hướng trực bị mòn,, giá treo bị kẹt, cong	Thay/sửa chữa con lăn dẫn hướng, sửa chữa giá treo kẹt,
22	IK23	22HCB20AT002	Con lăn dẫn hướng trực bị mòn,, giá treo bị kẹt, cong	Thay/sửa chữa con lăn dẫn hướng, sửa chữa giá treo kẹt,
23	IK22	22HCB30AT001	Con lăn dẫn hướng trực bị mòn,, giá treo bị kẹt, cong	Thay/sửa chữa con lăn dẫn hướng, sửa chữa giá treo kẹt,
24	IK24	22HCB30AT002	Con lăn dẫn hướng trực bị mòn,, giá treo bị kẹt, cong	Thay/sửa chữa con lăn dẫn hướng, sửa chữa giá treo kẹt,





PHỤ LỤC 01.2 - PHẠM VI SỬA CHỮA BẢO DƯỠNG BẤT THƯỜNG CÁC MÁY THỔI BỤI IK 545-EL.

Stt	Tên thiết	KKS	Tình trạng	Phạm vi bảo dưỡng sửa chữa
A	Hafl retractable sootblowers (IK – 545EL)- Tổ máy số 1			
1	EL3	12HCB20AT005	Con lăn dẫn hướng mòn, giá treo bị kẹt, cong	Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo
2	EL5	12HCB20AT004	Con lăn dẫn hướng mòn, giá treo bị kẹt, cong	Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo
3	EL7	12HCB20AT003	Con lăn dẫn hướng mòn, giá treo bị kẹt, cong	Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo
4	EL9	12HCB20AT007	Con lăn dẫn hướng mòn, giá treo bị kẹt, cong	Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo
5	EL11	12HCB20AT008	Con lăn dẫn hướng mòn, giá treo bị kẹt, cong	Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo
6	EL13	12HCB20AT009	Con lăn dẫn hướng mòn, giá treo bị kẹt, cong	Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo
7	EL15	12HCB20AT012	Con lăn dẫn hướng mòn, giá treo bị kẹt, cong	Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo
8	EL17	12HCB20AT011	Con lăn dẫn hướng mòn, giá treo bị kẹt, cong	Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo
9	EL19	12HCB20AT010	Con lăn dẫn hướng mòn, giá treo bị kẹt, cong	Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo
10	EL2	12HCB30AT006	Con lăn dẫn hướng mòn, giá treo bị kẹt, cong	Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo
11	EL4	12HCB30AT005	Con lăn dẫn hướng mòn, giá treo bị kẹt, cong	Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo
12	EL6	12HCB30AT004	Con lăn dẫn hướng mòn, giá treo bị kẹt, cong	Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo
13	EL8	12HCB30AT003	Con lăn dẫn hướng mòn, giá treo bị kẹt, cong	Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo
14	EL10	12HCB30AT007	Con lăn dẫn hướng mòn, giá treo bị kẹt, cong	Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo
15	EL12	12HCB30AT008	Con lăn dẫn hướng mòn, giá treo bị kẹt, cong	Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo
16	EL14	12HCB30AT009	Con lăn dẫn hướng mòn, giá treo bị kẹt, cong	Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo
17	EL16	12HCB30AT012	Con lăn dẫn hướng mòn, giá treo bị kẹt, cong	Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo
18	EL18	12HCB30AT011	Con lăn dẫn hướng mòn, giá treo bị kẹt, cong	Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo
19	EL20	12HCB30AT010	Con lăn dẫn hướng mòn, giá treo bị kẹt, cong	Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo
A	Hafl retractable sootblowers (IK – 545EL)- Tổ máy số 2			
1	EL3	22HCB20AT005	Căn chỉnh lại con lăn dẫn hướng, giá treo bị kẹt, cong	Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo
2	EL5	22HCB20AT004	Căn chỉnh lại con lăn dẫn hướng, giá treo bị kẹt, cong	Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo
3	EL7	22HCB20AT003	Căn chỉnh lại con lăn dẫn hướng, giá treo bị kẹt, cong	Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo
4	EL9	22HCB20AT007	Căn chỉnh lại con lăn dẫn hướng, giá treo bị kẹt, cong	Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo
5	EL11	22HCB20AT008	Căn chỉnh lại con lăn dẫn hướng, giá treo bị kẹt, cong	Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo
6	EL13	22HCB20AT009	Căn chỉnh lại con lăn dẫn hướng, giá treo bị kẹt, cong	Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo
7	EL15	22HCB20AT012	Căn chỉnh lại con lăn dẫn hướng, giá treo bị kẹt, cong	Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo
8	EL17	22HCB20AT011	Căn chỉnh lại con lăn dẫn hướng, giá treo bị kẹt, cong	Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo
9	EL19	22HCB20AT010	Căn chỉnh lại con lăn dẫn hướng, giá treo bị kẹt, cong	Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo
10	EL2	22HCB30AT006	Căn chỉnh lại con lăn dẫn hướng, giá treo bị kẹt, cong	Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo
11	EL4	22HCB30AT005	Căn chỉnh lại con lăn dẫn hướng, giá treo bị kẹt, cong	Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo
12	EL6	22HCB30AT004	Căn chỉnh lại con lăn dẫn hướng, giá treo bị kẹt, cong	Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo
13	EL8	22HCB30AT003	Căn chỉnh lại con lăn dẫn hướng, giá treo bị kẹt, cong	Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo
14	EL10	22HCB30AT007	Căn chỉnh lại con lăn dẫn hướng, giá treo bị kẹt, cong	Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo
15	EL12	22HCB30AT008	Căn chỉnh lại con lăn dẫn hướng, giá treo bị kẹt, cong	Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo
16	EL14	22HCB30AT009	Căn chỉnh lại con lăn dẫn hướng, giá treo bị kẹt, cong	Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo
17	EL16	22HCB30AT012	Căn chỉnh lại con lăn dẫn hướng, giá treo bị kẹt, cong	Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo
18	EL18	22HCB30AT011	Căn chỉnh lại con lăn dẫn hướng, giá treo bị kẹt, cong	Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo
19	EL20	22HCB30AT010	Căn chỉnh lại con lăn dẫn hướng, giá treo bị kẹt, cong	Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo



PHỤ LỤC 0.1.3 - PHẠM VI SỬA CHỮA BẢO DƯỠNG BẤT THƯỜNG CÁC MÁY THỔI BỤI APH+GGH

Stt	Thiết bị	KKS	Tình trạng	Phạm vi sửa chữa	Ghi chú
A APH sootblower Tổ máy số 1					
1	AH1	12HCB60AT001	Phần vỏ bao che hư hỏng, đường cấp nước rửa hư hỏng, con lăn dẫn hướng bị mòn.	Thay vỏ, thay ống mềm cấp nước rửa, sửa chữa/thay con lăn dẫn hướng mòn	
2	AH2	12HCB60AT002	Phần vỏ bao che hư hỏng, đường cấp nước rửa hư hỏng, con lăn dẫn hướng bị mòn.	Thay vỏ, thay ống mềm cấp nước rửa, sửa chữa/thay con lăn dẫn hướng mòn	
3	AH3	12HCB60AT003	Phần vỏ bao che hư hỏng, đường cấp nước rửa hư hỏng, con lăn dẫn hướng bị mòn.	Thay vỏ, thay ống mềm cấp nước rửa, sửa chữa/thay con lăn dẫn hướng mòn	
4	AH4	12HCB60AT004	Phần vỏ bao che hư hỏng, đường cấp nước rửa hư hỏng, con lăn dẫn hướng bị mòn.	Thay vỏ, thay ống mềm cấp nước rửa, sửa chữa/thay con lăn dẫn hướng mòn	
B APH sootblower Tổ máy số 2					
1	AH1	22HCB60AT001	hỏng ống nối mềm đường cấp nước rửa, con lăn đỡ ống thổi bụi bị mòn, phần vỏ bao che cần hư hỏng.	Thay vỏ, thay ống mềm cấp nước rửa, sửa chữa/thay con lăn dẫn hướng mòn, thay thế tôn bao che.	
2	AH2	22HCB60AT002	Con lăn đỡ ống thổi bụi bị mòn hỏng, phần vỏ bao che cần hư hỏng.	Sửa chữa/thay con lăn dẫn hướng mòn, thay thế tôn bao che.	
3	AH3	22HCB60AT003	Con lăn đỡ ống thổi bụi bị mòn hỏng, phần vỏ bao che cần hư hỏng. Hơi luôn mở	Sửa chữa/thay con lăn dẫn hướng mòn, thay thế tôn bao che. Căn chỉnh phần tăng dẫn hướng, kết nối van	
4	AH4	22HCB60AT004	hỏng ống nối mềm đường cấp nước rửa, con lăn đỡ ống thổi bụi bị mòn, phần vỏ bao che cần hư hỏng.	Thay vỏ, thay ống mềm cấp nước rửa, sửa chữa/thay con lăn dẫn hướng mòn, thay thế tôn bao che.	
C GGH sootblower					
1	GGH1		Tầng 1: ống cấp hơi chèn bị hỏng, tết chèn đường nước cấp bị rò rỉ, con lăn dẫn hướng bị mòn không ăn vào, van 1 chiều bị hỏng, đường ống cấp hơi cần bảo ôn lại, vỏ bao che bị hư hỏng, đường ống thổi muối bị han gỉ.	Đường ống cấp hơi chèn: ống cấp hơi bị hỏng(lão hóa), test chèn đường nước cấp bị rò rỉ, con lăn dẫn hướng bị mòn không ăn vào, van 1 chiều bị hỏng, đường ống cấp hơi cần bảo ôn lại, vỏ bao che bị hư hỏng cần thay thế, đường ống thổi muối bị han gỉ.	
2	GGH2		Tầng 2: ống cấp hơi chèn bị hỏng, tết chèn đường nước cấp bị rò rỉ, con lăn dẫn hướng bị mòn không ăn vào, van 1 chiều bị hỏng, đường ống cấp hơi cần bảo ôn lại, vỏ bao che bị hư hỏng, đường ống thổi muối bị han gỉ.	Đường ống cấp hơi chèn: ống cấp hơi bị hỏng(lão hóa), test chèn đường nước cấp bị rò rỉ, con lăn dẫn hướng bị mòn không ăn vào, van 1 chiều bị hỏng, đường ống cấp hơi cần bảo ôn lại, vỏ bao che bị hư hỏng cần thay thế, đường ống thổi muối bị han gỉ.	





PHỤ LỤC 01.4 - PHẠM VI SỬA CHỮA BẢO DƯỠNG BẤT THƯỜNG CÁC MÁY THỜI BỤI IR3Z

Stt	Tên thiết bị	KKS	Tình trạng	Phạm vi sửa chữa	Ghi chú
A	Furnace sootblowers (IR – 3Z)				
1	IR20	22HCB21AT008	Lệch giá treo, ty ren	căn chỉnh giá treo, ty ren	
2	IR19	22HCB21AT009	Lệch giá treo, ty ren	căn chỉnh giá treo, ty ren	
3	IR18	22HCB21AT010	Lệch giá treo, ty ren	căn chỉnh giá treo, ty ren	
4	IR17	22HCB21AT011	Lệch giá treo, ty ren	căn chỉnh giá treo, ty ren	
5	IR16	22HCB21AT012	Lệch giá treo, ty ren	căn chỉnh giá treo, ty ren	
6	IR15	22HCB21AT013	Lệch giá treo, ty ren	căn chỉnh giá treo, ty ren	
7	IR27	22HCB21AT014	Lệch giá treo, ty ren	căn chỉnh giá treo, ty ren	
8	IR28	22HCB21AT015	Lệch giá treo, ty ren	căn chỉnh giá treo, ty ren	
9	IR29	22HCB21AT016	Lệch giá treo, ty ren	căn chỉnh giá treo, ty ren	
10	IR30	22HCB21AT017	Lệch giá treo, ty ren	căn chỉnh giá treo, ty ren	
11	IR31	22HCB21AT018	Lệch giá treo, ty ren	căn chỉnh giá treo, ty ren	
12	IR33	22HCB21AT020	Lệch giá treo, ty ren	căn chỉnh giá treo, ty ren	
13	IR46	22HCB21AT021	Lệch giá treo, ty ren	căn chỉnh giá treo, ty ren	
14	IR45	22HCB21AT022	Lệch giá treo, ty ren	căn chỉnh giá treo, ty ren	
15	IR44	22HCB21AT023	Lệch giá treo, ty ren	căn chỉnh giá treo, ty ren	
16	IR43	22HCB21AT024	Lệch giá treo, ty ren	căn chỉnh giá treo, ty ren	
17	IR42	22HCB21AT025	Lệch giá treo, ty ren	căn chỉnh giá treo, ty ren	
18	IR41	22HCB21AT026	Lệch giá treo, ty ren	căn chỉnh giá treo, ty ren	
19	IR8	22HCB31AT001	Lệch giá treo, ty ren	căn chỉnh giá treo, ty ren	
20	IR9	22HCB31AT002	Lệch giá treo, ty ren	căn chỉnh giá treo, ty ren	
21	IR26	22HCB31AT008	Lệch giá treo, ty ren	căn chỉnh giá treo, ty ren	
22	IR25	22HCB31AT009	Lệch giá treo, ty ren	căn chỉnh giá treo, ty ren	
23	IR24	22HCB31AT010	Lệch giá treo, ty ren	căn chỉnh giá treo, ty ren	
24	IR23	22HCB31AT011	Lệch giá treo, ty ren	căn chỉnh giá treo, ty ren	
25	IR22	22HCB31AT012	Lệch giá treo, ty ren	căn chỉnh giá treo, ty ren	
26	IR21	22HCB31AT013	Lệch giá treo, ty ren	căn chỉnh giá treo, ty ren	
27	IR34	22HCB31AT014	Lệch giá treo, ty ren	căn chỉnh giá treo, ty ren	
28	IR35	22HCB31AT015	Lệch giá treo, ty ren	căn chỉnh giá treo, ty ren	
29	IR36	22HCB31AT016	Lệch giá treo, ty ren	căn chỉnh giá treo, ty ren	
30	IR37	22HCB31AT017	Lệch giá treo, ty ren	căn chỉnh giá treo, ty ren	
31	IR38	22HCB31AT018	Lệch giá treo, ty ren	căn chỉnh giá treo, ty ren	
32	IR39	22HCB31AT019	Lệch giá treo, ty ren	căn chỉnh giá treo, ty ren	
33	IR40	22HCB31AT020	Lệch giá treo, ty ren	căn chỉnh giá treo, ty ren	
34	IR52	22HCB31AT021	Lệch giá treo, ty ren	căn chỉnh giá treo, ty ren	
35	IR51	22HCB31AT022	Lệch giá treo, ty ren	căn chỉnh giá treo, ty ren	
36	IR50	22HCB31AT023	Lệch giá treo, ty ren	căn chỉnh giá treo, ty ren	
37	IR49	22HCB31AT024	Lệch giá treo, ty ren	căn chỉnh giá treo, ty ren	
38	IR48	22HCB31AT025	Lệch giá treo, ty ren	căn chỉnh giá treo, ty ren	
39	IR47	22HCB31AT026	Lệch giá treo, ty ren	căn chỉnh giá treo, ty ren	
B. Thiết bị đo nhiệt độ TP-500.					
1	TP-500	12HAS10CT001	đang dừng vận hành	thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng trước khi đưa vào vận hành	
2	TP-500	12HAS20CT001	đang dừng vận hành	thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng trước khi đưa vào vận hành	



Phục lục 02: Danh mục vật tư
(Đính kèm thư mời số **656**...//NMĐTĐB2-KTATMT ngày **04** tháng 04 năm 2025)

STT	Hệ thống	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Model/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị	Nhu cầu mua sắm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(10)	
1		Phốt chắn dầu	TC 35x62x10		Cái	50	
2		Phốt chắn dầu	TC 45x70x12		Cái	50	
3		Gasket for lance hub flange	(Part No: 305656-0117)	(Part No: 305656-0117)	Cái	12	
4		Feed tube gasket	(Part No: 304634-0117)	(Part No: 304634-0117)	Cái	0	
5		Feed tube gasket	OD 69,8 mm x ID 58,4 mm x T 1,6 mm		Cái	25	
6		Gasket chì	OD 133,32 x ID 98,82	(DSPC 0256 - PHX)	Cái	4	
7		Vòng bi	Vòng bi động cơ	6205 2Z/C3	Cái	100	
8		Thép chữ V	V 100x100x10		Mét	50	
9	Khung vỏ	son lót	50-70µm, Gray;	Jotun, Barrier 77 Rich Epoxy Primer,	lít	750	
10		son trung gian	100-120µm, Gray	Jotun, Penguard Express intermediate coat,	lít	827	
11		son phủ	50-70µm, Gray;Mã màu: RAL7032	Jotun, Hardtop XP Polyurethane Finish Coating	lít	1.510	
12		dung môi		Thinner No. 10 (for Hardtop), (5%)	lít	76	
13		dung môi		Thinner No. 17, (for Penguard, Barrier), (5%)	lít	79	
14		nắp vỏ				35	
15	Van Poppet	son lót	40-60µm, Gray;	Jotun, resist 78,	lít	55	
16		son phủ	Mã màu: aluminium RAL9006	Jotun, solvalitt, 25-35µm,;	lít	55	
17	Vòi thổi bụi	Lance Tube	Lance tube IK555 (for IK 1-4) & gasket	Lance tube Gasket IK555. Part No. 305656-0117	chiếc	0	
18		Con lăn đỡ ống thổi bụi	dùng cho IK555			5	
19		Con lăn đỡ ống thổi bụi	dùng cho IK545		cái	13	
20		Feed Tube	Feed tube Assembly IK555 (for IK 1-4)	Part No. 336764-1135	chiếc	2	

